

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18-8-2023

“Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Trường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Thương

Bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 290/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2023; về “Ly hôn” Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Anh C**, sinh năm 1973; Nơi cư trú: **Số nhà A, đường C, tổ E, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

2. *Bị đơn:* Chị **Hoàng Thị C1**, sinh năm 1976; nơi cư trú: **Số nhà A, đường C, tổ E, khu phố C, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận.**

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Anh **Trần Anh C**, chị **Hoàng Thị C1** tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới anh **C**, chị **C1** sống chung hạnh phúc được 25 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, từ đó không còn hạnh phúc. Từ năm 2000 anh **C**, chị **C1** ly thân cho đến nay, từ đó không còn ai quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay anh **C** không còn tình cảm với chị **C1**, nên đề nghị Tòa án không công nhận anh **C**, chị **C1** là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung anh **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo hồ sơ vụ án bị đơn trình bày:

Chị **Hoàng Thị C1**, anh **Trần Anh C** sống chung vào năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung chị **C1**, anh **C** có những vấn đề không thể hòa giải. Nên chị **C1** cũng đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh **C** là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị **C1** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

+ Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Không công nhận anh **Trần Anh C**, chị **Hoàng Thị C1** là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn chị **Hoàng Thị C1** hiện cư trú tại **huyện Đ** nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh **Trần Anh C** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận anh **Trần Anh C** và chị **Hoàng Thị C1** là vợ chồng nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt các đương sự tuy nhiên đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[4] Anh **Trần Anh C**, chị **Hoàng Thị C1** tự nguyện tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và chung sống với nhau năm 1992, nhưng không đăng ký kết hôn, nên không được pháp luật thừa nhận. Do chung sống không hạnh phúc, cả hai xác định hiện nay không còn tình cảm nên đều đề nghị Tòa án không công nhận là vợ chồng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **C** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Các bên đương sự không tranh chấp và không có yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Cần buộc anh **C** phải chịu án phí ly hôn là phù hợp.

[7] Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Trần Anh C**: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Trần Anh C** và chị **Hoàng Thị Cl**.

2. Về án phí: Anh **Trần Anh C** phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0015192, ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Linh. Anh **C** đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- UBND TT Đức Tài;
- C.C Thi hành án DS.h. Đức Linh;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Trường